

# IMMOIL-8CC\_IMMOIL-500CC

## Phiếu An toàn Hóa chất

Nội dung và định dạng của SDS này tuân theo Luật về Hoá chất của Việt Nam (Thông tư số 32/2017/TT-BCT)

Ngày phát hành: 6/23/2021

Ngày sửa đổi: 6/23/2021

Phiên bản: 1.0

### MỤC 1: Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

#### 1.1 Nhận dạng sản phẩm

Hình thức sản phẩm : Hỗn hợp  
Tên sản phẩm : IMMOIL-8CC\_IMMOIL-500CC

#### 1.2 Ứng dụng thích hợp của chất hay hỗn hợp chất và các ứng dụng không được khuyến cáo

Khuyến cáo sử dụng : Kính hiển vi-Chất lỏng ngâm để soi kính hiển vi quang

#### 1.3 Thông tin nhà cung cấp

##### Nhà sản xuất

OLYMPUS CORPORATION

Shinjuku Monolith, 3-1 Nishi-Shinjuku 2-chome, Shinjuku-ku,

Tokyo 163-0914, Japan

T +81-120-58-0414/+81-3-3340-2111 - F +81-3-6901-4251

#### 1.4 Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp

Số khẩn cấp : +44-1865-407333 (Carechem24 tiếng Anh)

### MỤC 2: Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

#### 2.1 Phân loại chất hay hỗn hợp chất

##### Phân loại theo thông tư 32/2017/TT-BCT

Mẫn cảm hóa da, Nhóm 1

Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.

Nguy hại đối với môi trường thủy sinh — Nguy hiểm mãn tính, Nhóm 2

Độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

#### 2.2 Nội dung nhãn

Chữ tượng hình cảnh báo nguy hiểm (GHS VN) :



GHS07



GHS09

Khẩu lệnh (GHS VN) :

Cảnh báo

Chứa

Benzene, 1,4-dimethyl-2-(1-phenylethyl)-

Từ cảnh báo (GHS VN) :

H317 - Có thể gây ra phản ứng dị ứng da  
H411 - Độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài

Precautionary statements (GHS VN) :

P261 - Tránh hít bụi/khói/khí/sương/hơi/khí dung  
P272 - Không đem quần áo làm việc đã bị phơi nhiễm ra khỏi ngoài khu vực làm việc  
P273 - Tránh thải ra môi trường  
P280 - Mang găng cách nhiệt chống lạnh/mặt nạ mặt/bảo hộ mắt/bảo hộ mặt  
P302+P352 - NẾU TRÊN DA: Rửa bằng nhiều nước  
P363 - Giặt lại quần áo bị phơi nhiễm trước khi tái sử dụng  
P333+P313 - Nếu da xuất hiện dấu hiệu kích ứng hoặc nổi ban đỏ: Hãy biện pháp được tư vấn/chăm sóc y tế  
P391 - Thu hồi sản phẩm bị vương đổ  
P501 - Thải bỏ chất chứa bên trong/bao bì chứa đựng tại điểm thu gom rác thải nguy hiểm hoặc đặc biệt, theo quy định địa phương, khu vực, quốc gia và/hoặc quốc tế

#### 2.3 Những nguy cơ khác, không ảnh hưởng đến việc phân loại

Hiện chưa có thông tin bổ sung

### MỤC 3: Thông tin về thành phần các chất

#### 3.1 Đơn chất

Không áp dụng được

#### 3.2 Hỗn hợp chất

# IMMOIL-8CC\_IMMOIL-500CC

## Phiếu An toàn Hóa chất

Nội dung và định dạng của SDS này tuân theo Luật về Hoá chất của Việt Nam (Thông tư số 32/2017/TT-BCT)

Tên	Nhận dạng sản phẩm	%	Phân loại theo thông tư 32/2017/TT-BCT
Benzene, 1,2-dimethyl-4-(1-phenylethyl)-	(Số CAS) 6196-95-8	15.0	Aquatic Chronic 1, H410
Benzene, 2,4-dimethyl-1-(1-phenylethyl)-	(Số CAS) 6165-52-2	12.0	Không phân loại
Benzene, 1,4-dimethyl-2-(1-phenylethyl)-	(Số CAS) 6165-51-1	7.0	Acute Tox. 4 (Oral), H302 Acute Tox. 4 (Dermal), H312 Acute Tox. 4 (Inhalation), H332 Skin Sens. 1, H317 STOT SE 2, H371 STOT RE 2, H373
Benzene, ethyl(phenylethyl)-	(Số CAS) 64800-83-5	6.0	Không phân loại

\* Tên hóa chất, số CAS và/hoặc nồng độ chính xác đã được giữ lại như thông tin kinh doanh mật

### MỤC 4: Biện pháp sơ cứu về y tế

#### 4.1 Biện pháp sơ cứu

- Sơ cứu trong trường hợp hít phải : Nếu nạn nhân gặp khó khăn trong việc thở, đưa ra ngoài không khí thoáng và giữ nạn nhân nằm nghỉ ở tư thế dễ thở nhất. Liên hệ với bác sĩ để được tư vấn/theo dõi nếu bạn cảm thấy không khỏe.
- Sơ cứu trong trường hợp tiếp xúc với da : TRONG TRƯỜNG HỢP CÓ TIẾP XÚC VỚI DA: Rửa lại với thật nhiều nước. Cởi bỏ quần áo bị phơi nhiễm và giặt trước khi sử dụng lại. Trong trường hợp có kích ứng hoặc phát ban trên da: Liên hệ với bác sĩ để được tư vấn/theo dõi.
- Sơ cứu khi có tiếp xúc với mắt : TRONG TRƯỜNG HỢP CÓ TIẾP XÚC VỚI MẮT: rửa lại với nước một cách cẩn trọng liên tục trong vòng vài phút. Tháo kính sát trùng nếu nạn nhân có mang kính và có thể tháo dễ dàng. Tiếp tục rửa mắt. Nếu kích ứng mắt kéo dài: Liên lạc với bác sĩ để được tư vấn/theo dõi.
- Sơ cứu trong trường hợp nuốt phải : Không tự ý cho ói mà không có ý kiến của bác sĩ. Không bao giờ cho bất cứ chất gì vào miệng của một người đang bất tỉnh. Liên hệ với bác sĩ để được tư vấn/theo dõi nếu bạn cảm thấy không khỏe.

#### 4.2 Các triệu chứng và tác dụng chính, cấp tính và tri hoãn

- Triệu chứng/tác dụng sau khi hít phải : Có thể gây kích ứng đường hô hấp.
- Triệu chứng/tác dụng sau khi tiếp xúc với da : Có thể gây kích ứng da. Phơi nhiễm lặp lại có thể gây khô và tróc da. Có thể gây ra dị ứng trên da.
- Triệu chứng/tác dụng sau khi tiếp xúc với mắt : Có thể gây kích ứng mắt. Các triệu chứng có thể bao gồm khó chịu hoặc đau, chớp mắt và chảy nước mắt quá nhiều, có thể bị mẫn đỏ và sưng.
- Triệu chứng/tác dụng sau khi nuốt phải : Có thể có hại nếu nuốt phải. Có thể gây kích ứng hệ thống tiêu hóa, gây buồn nôn, ói, tiêu chảy.

#### 4.3 Thông tin về các biện pháp sơ cấp cứu và các phương pháp xử lý cần thiết

- Ý kiến y khoa khác hoặc điều trị : Các triệu chứng có thể đến muộn. Khi gặp sự cố hoặc nếu bạn cảm thấy không khỏe, liên hệ ngay với bác sĩ để được tư vấn (cho bác sĩ xem nhãn hàng nếu có thể).

### MỤC 5: Phương pháp cứu hỏa

#### 5.1. Phương tiện cứu hỏa

- Chất chữa cháy thích hợp : Bột cacbon điôxit (CO<sub>2</sub>), bột hóa học khô.
- Tác nhân tiêu hủy không tương ứng : Không sử dụng vòi phun nước mạnh vì nó có thể làm lửa lan rộng.

#### 5.2 Các nguy hiểm phát sinh từ biện pháp chữa cháy

- Nguy cơ hỏa hoạn : Khi phát nổ có thể cho ra, và không giới hạn: các ôxít cac-bon.
- Biện pháp chung : Sử dụng thiết bị bảo vệ cá nhân được đề xuất trong Phần 8. Cô lập khu vực nguy hiểm và không cho người không phận sự và chưa mang thiết bị bảo hộ tiếp cận hiện trường.
- Phản ứng : Không có phản ứng nguy hiểm được biết đến trong điều kiện sử dụng bình thường.

# IMMOIL-8CC\_IMMOIL-500CC

## Phiếu An toàn Hóa chất

Nội dung và định dạng của SDS này tuân theo Luật về Hoá chất của Việt Nam (Thông tư số 32/2017/TT-BCT)

### 5.3 Các phương pháp chữa cháy cụ thể

Hướng dẫn cứu hỏa : Làm nguội các bình chữa đóng kín bị tiếp xúc với lửa.

### 5.4. Thiết bị bảo hộ đặc biệt và lưu ý đặc biệt dành cho nhân viên cứu hoả

Biện pháp bảo hộ khi có hỏa hoạn : Đảm bảo hướng ngọn lửa ngược hướng gió. Mang đầy đủ quần áo chống cháy dùng trong chữa cháy (đủ bộ Bunker) và thiết bị bảo vệ đường thở (SCBA).

## MỤC 6: Biện pháp xử lý trong trường hợp đổ tràn

### 6.1. Biện pháp bảo hộ cá nhân, thiết bị bảo hộ và biện pháp cấp cứu

Biện pháp chung : Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân được đề xuất trong Phần 8. Cô lập khu vực nguy hiểm và không cho người không phận sự và chưa mang thiết bị bảo hộ tiếp cận hiện trường.

#### 6.1.1 Dành cho cá nhân không mang chức năng cứu hộ

Hiện chưa có thông tin bổ sung

#### 6.1.2 Dành cho cứu hộ viên

Hiện chưa có thông tin bổ sung

### 6.2. Biện pháp bảo vệ môi trường

Không cho xâm nhập vào cống rãnh và nước sinh hoạt. Thông báo cho các cấp chính quyền nếu sản phẩm rơi vào hệ thống cống rãnh hay nước công cộng. Tránh thải ra môi trường. Thu hồi sản phẩm bị vương đổ.

### 6.3. Phương pháp và thiết bị chứa và vệ sinh

Dùng để chứa : Hấp thụ và/hoặc chứa thuốc với vật liệu trơ (cát, vermiculite hoặc nguyên vật liệu thích hợp khác), sau đó đặt vào thùng chứa thích hợp. Không đổ vào hệ thống nước bề mặt và cống rãnh. Mang thiết bị bảo hộ cá nhân được khuyến cáo.

Quy trình làm sạch : Quét hay xúc sản phẩm bị đổ và cho vào hộp đựng thích hợp trước khi tiêu hủy. Đảm bảo thông gió. Không bao giờ cho sản phẩm vương vãi lại vào thùng chứa gốc với mục đích tái sử dụng.

## MỤC 7: Thao tác và lưu trữ

### 7.1. Biện pháp phòng ngừa cần có cho thao tác an toàn

Nguy cơ phụ trong quá trình xử lý : Chất vương đổ có thể gây trượt.

Biện pháp phòng ngừa cần có cho thao tác an toàn : Tránh tiếp xúc với da và mắt. Tránh hít bụi/khói/khí/sương/hoi/khí dung. Không nuốt. Thao tác và mở thùng chứa một cách thận trọng. Không được ăn, uống và hút thuốc trong quá trình sử dụng. Đeo thiết bị bảo hộ cá nhân.

Biện pháp vệ sinh : Cởi bỏ quần áo bị phơi nhiễm và giặt trước khi sử dụng lại. Không đem quần áo làm việc đã bị phơi nhiễm ra khỏi ngoài khu vực làm việc. Rửa bàn tay, cẳng tay và mặt kỹ sau khi xử lý.

### 7.2. Điều kiện cần để đảm bảo an toàn lưu trữ, bao gồm cả khả năng không tương hợp

Điều kiện lưu trữ : Bảo quản tránh xa tầm tay của trẻ em. Bảo quản thùng chứa đóng kín. Bảo quản tại nơi khô ráo, mát và thông thoáng.

## MỤC 8: Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo hộ cá nhân

### 8.1 Các thông số kiểm soát

Hiện chưa có thông tin bổ sung

### Giới hạn phơi nhiễm của các thành phần khác

Hiện chưa có thông tin bổ sung

### 8.2 Việc theo dõi

Hiện chưa có thông tin bổ sung

### 8.3 Kiểm tra kỹ thuật theo quy định

Kiểm tra kỹ thuật theo quy định : Đảm bảo thông thoáng nơi làm việc. Cung cấp các trạm rửa mắt dễ dàng tiếp cận và vòi sen an toàn.

### 8.4. Trang thiết bị bảo hộ cá nhân

#### Bảo vệ tay:

Mang găng tay thích hợp kháng hóa chất

#### Bảo vệ mắt:

Nên đeo kính bảo hộ khi sử dụng sản phẩm.

#### Bảo vệ da và cơ thể:

# IMMOIL-8CC\_IMMOIL-500CC

## Phiếu An toàn Hóa chất

Nội dung và định dạng của SDS này tuân theo Luật về Hoá chất của Việt Nam (Thông tư số 32/2017/TT-BCT)

Trang bị quần áo bảo hộ thích hợp

### Bảo vệ đường hô hấp:

Trong trường hợp thông gió không đủ, mang thiết bị hỗ trợ hô hấp thích hợp. Phải lựa chọn mặt nạ dựa trên mức độ phơi nhiễm đã biết hoặc đã được dự đoán, các nguy hại của sản phẩm và giới hạn làm việc an toàn của mặt nạ được chọn.

### (Các) Ký hiệu thiết bị bảo hộ cá nhân:

Kiểm soát mức độ phơi nhiễm với môi trường : Tránh thải ra môi trường.

## MỤC 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Trạng thái vật lý	: Chất lỏng
Hình dạng	: Chất lỏng trong suốt
Màu	: Không màu
Mùi	: Không có thông tin
Ngưỡng mùi	: Không có thông tin
pH	: Không có thông tin
Điểm nóng chảy,	: Không có thông tin
Điểm đông đặc	: Không có thông tin
Điểm sôi	: < 200 °C
Điểm bùng cháy	: 154 °C Cốc hồ Cleveland
Nhiệt độ tự bốc cháy	: < 300 °C
Tính bất lửa (rắn, khí)	: Không dễ cháy
Áp suất hơi	: Không có thông tin
Vận tốc bốc hơi	: Không có thông tin
Giới hạn nổ	: Không có thông tin
Đặc tính nổ	: Không có thông tin
Năng lượng tối thiểu gây cháy	: Không có thông tin
Độ hòa tan	: Không có thông tin
Mật độ	: Mật độ tương đối: 0,918 ở 15 °C
Mật độ tương đối	: Không có thông tin
Độ nhớt, động học	: Không có thông tin
Độ nhớt, động lực	: Không có thông tin

## MỤC 10: Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Tính ổn định hóa học	: Ổn định trong điều kiện bình thường.
Điều kiện cần tránh	: Nhiệt. Chất không tương hợp.
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm	: Có thể bao gồm nhưng không giới hạn: oxit carbon.
Chất không tương hợp	: Chất oxi hóa mạnh.
Có khả năng phản ứng gây nguy hiểm	: Không có phản ứng nguy hiểm được biết đến trong điều kiện sử dụng bình thường.
Phản ứng	: Không có phản ứng nguy hiểm được biết đến trong điều kiện sử dụng bình thường.

## MỤC 11: Thông tin về độc tính

### 11.1 Độc cấp tính

Độ độc cấp tính (qua đường tiêu hóa)	: Không phân loại.
Độ độc cấp tính (qua da)	: Không phân loại
Độ độc cấp tính (qua đường hô hấp)	: Không phân loại

Độc tính cấp tính chưa xác định (GHS VN)	33 phần trăm của hỗn hợp được cấu thành bởi một hoặc nhiều thành phần có độ độc cao chưa được thông tin (Miệng) 33 phần trăm của hỗn hợp được cấu thành bởi một hoặc nhiều thành phần có độ độc cao chưa được thông tin (Da) 33 phần trăm của hỗn hợp được cấu thành bởi một hoặc nhiều thành phần có độ độc cao chưa được thông tin (Inhalation (Vapours))
--	---

Ấn mòn da/kích ứng da	: Không phân loại
Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt	: Không phân loại
Nhạy cảm đường hô hấp hoặc trên da	: Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.

# IMMOIL-8CC\_IMMOIL-500CC

## Phiếu An toàn Hóa chất

Nội dung và định dạng của SDS này tuân theo Luật về Hoá chất của Việt Nam (Thông tư số 32/2017/TT-BCT)

Tính gây đột biến trên các tế bào mầm	: Không phân loại
Khả năng gây ung thư	: Không phân loại
Mức độc tính trên khả năng sinh sản	: Không phân loại
Mức độc tính đặc biệt trên một số cơ quan (tiếp xúc một lần)	: Không phân loại
Mức độc tính đặc biệt trên một số cơ quan (tiếp xúc lặp lại)	: Không phân loại
Nguy cơ khi hít phải	: Không phân loại
Các thông tin khác	: Các đường tiếp xúc có thể có: ăn, hít, da và mắt.

### MỤC 12: Thông tin về sinh thái

#### 12.1 Độ độc tính

Sinh thái - tổng quát	: Gây độc cho sinh vật thủy sinh, gây hại lâu dài.
Các nguy hiểm đối với môi trường thủy sinh chưa xác định (GHS VN)	: Có chứa 25 % thành phần có yếu tố nguy hiểm cho môi trường thủy sinh chưa được thông tin
Nguy hại cho môi trường thủy sinh, ngắn hạn (cấp)	: Không phân loại
Nguy hại cho môi trường thủy sinh, lâu dài (mãn)	: Độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.
Các thông tin khác	: Không có tác dụng nào khác được ghi nhận.

#### 12.2 Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

IMMOIL-8CC_IMMOIL-500CC	
Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy	Không thực hiện.

#### 12.3 Khả năng tích lũy sinh học

IMMOIL-8CC_IMMOIL-500CC	
Khả năng tích lũy sinh học	Không thực hiện.

#### 12.4 Tính lưu động dưới đất

IMMOIL-8CC_IMMOIL-500CC	
Tính lưu động dưới đất	Hiện chưa có thông tin bổ sung

#### 12.5 Các tác dụng có hại khác

Các tác dụng có hại khác	: Hiện chưa có thông tin bổ sung
--------------------------	----------------------------------

### MỤC 13: Thông tin liên quan đến việc tiêu hủy

Các khuyến cáo về việc xử lý sản phẩm/bao bì	: Thải bỏ chất chứa bên trong/bao bì chứa đựng tại điểm thu gom rác thải nguy hiểm hoặc đặc biệt, theo quy định địa phương, khu vực, quốc gia và/hoặc quốc tế. Tái chế các thùng rỗng khi được phép.
--	--

### MỤC 14: Thông tin khi vận chuyển

#### 14.1 Số hiệu UN

Số UN(UN RTDG)	: 3082
Số UN (IMDG)	: 3082
Số UN (IATA)	: 3082

#### 14.2 Công ty vận chuyển

Công ty vận chuyển (UN RTDG)	: CHẤT GÂY ĐỘC HẠI MÔI TRƯỜNG, CHẤT LỎNG, N.O.S. (Benzene, 1,2-dimethyl-4-(1-phenylethyl)-)
Công ty vận chuyển (IMDG)	: ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (Benzene, 1,2-dimethyl-4-(1-phenylethyl)-)
Công ty vận chuyển (IATA)	: Environmentally hazardous substance, liquid, n.o.s. (Benzene, 1,2-dimethyl-4-(1-phenylethyl)-)

#### 14.3 Phân loại nguy hiểm cho việc vận chuyển

##### UN RTDG

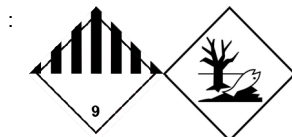
Phân loại nguy hiểm cho việc vận chuyển (UN RTDG)	: 9
---	-----

# IMMOIL-8CC\_IMMOIL-500CC

## Phiếu An toàn Hóa chất

Nội dung và định dạng của SDS này tuân theo Luật về Hoá chất của Việt Nam (Thông tư số 32/2017/TT-BCT)

Nhãn hàng nguy hiểm (UN RTDG) : 9



### IMDG

Phân loại nguy hiểm cho việc vận chuyển (IMDG) : 9

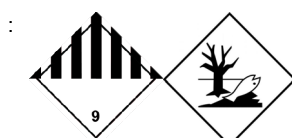
Nhãn hàng nguy hiểm (IMDG) : 9



### IATA

Phân loại nguy hiểm cho việc vận chuyển (IATA) : 9

Nhãn hàng nguy hiểm (IATA) : 9



### 14.4 Phân nhóm đóng gói

Phân nhóm đóng gói (UN RTDG) : III

Phân nhóm đóng gói (IMDG) : III

Nhóm đóng gói (IATA) : III

### 14.5 Nguy cơ môi trường

Nguy hiểm cho môi trường : Có

Ô nhiễm biển : Có

Các thông tin khác : Không có thông tin bổ sung.

### 14.6 Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng

Biện pháp phòng ngừa cho việc vận chuyển : Không thao tác với sản phẩm khi chưa đọc và hiểu các thông tin về khuyến nghị an toàn.

#### - UN RTDG

Số UN(UN RTDG) : 3082

Bố trí đặc biệt (UN RTDG) : 274, 331, 335, 375

Số lượng giới hạn (UN RTDG) : 5L

Số lượng loại trừ (UN RTDG) : E1

Hướng dẫn đóng gói (UN RTDG) : P001, IBC03, LP01

Quy định đặc biệt liên quan đến việc đóng gói (UN RTDG) : PP1

Hướng dẫn đặc biệt cho xe chở cơ động và công-te-nơ hàng (UN RTDG) : T4

Quy định đặc biệt cho xe chở cơ động và công-te-nơ hàng (UN RTDG) : TP1, TP29

#### - IMDG

Số UN (IMDG) : 3082

#### - IATA

Số UN (IATA) : 3082

# IMMOIL-8CC\_IMMOIL-500CC

## Phiếu An toàn Hóa chất

Nội dung và định dạng của SDS này tuân theo Luật về Hoá chất của Việt Nam (Thông tư số 32/2017/TT-BCT)

### 14.7 Vận chuyển hàng rời theo phụ lục II MARPOL 73/78 và bộ luật IBC

Không áp dụng được

### MỤC 15: Thông tin hợp pháp

#### 15.1. Quy định/pháp chế chuyên biệt về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với các chất hay hỗn hợp chất

Hiện chưa có thông tin bổ sung

#### 15.2. Số chỉ thị an toàn hóa học

Hiện chưa có thông tin bổ sung

### MỤC 16: Các thông tin khác

Phiên bản	: 1.0
Ngày phát hành	: 10/23/2020
Ngày sửa đổi	: 10/23/2020
Nguồn dữ liệu	: Theo Luật Hóa chất Số 6/2007/QH12, Nghị định Số 133/2017/NĐ-CP, Thông tư 32/2017/TT-BCT, Hệ thống Cơ sở dữ liệu Hóa chất Quốc gia Việt Nam, ECHA (Cơ quan Hóa chất Châu Âu), RTDG - Khuyến nghị về Vận tải Hàng nguy hiểm, IMDG - Hàng hóa nguy hiểm Khi Vận chuyển Hàng hải Quốc tế, IATA - Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế, ACGIH (Hiệp hội các Nhà vệ sinh Công nghiệp Chính phủ Hoa Kỳ), IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Quốc tế.
Tên viết tắt và rút ngắn	: °C – Độ C °F – Độ F ACGIH – Hiệp hội Châu Mỹ của các Cơ quan Vệ sinh Công nghiệp cấp Chính phủ ATE – Đánh giá độc tính cao BCF – Chỉ số nồng độ sinh học BEI – Chỉ số Phơi nhiễm Sinh học CAS – Dịch vụ Tóm tắt Hoá chất cP – centipoise (đơn vị độ nhớt động) cSt – centistokes (đơn vị độ nhớt động lực) DNEL – Liều dẫn xuất không có tác dụng EC50 – Nồng độ cho 50% hiệu quả tối đa ECHA – Cơ quan Hóa chất Châu Âu GHS – Hệ Thống Hải Hòa Toàn Cầu về Phân Loại và Ghi Nhận Hóa h – giờ IATA – Hiệp hội Vận chuyển Hàng không Quốc tế IDLH – Nguy hiểm Tức thì đến Mạng sống hoặc Sức khỏe IMDG – Hàng hóa Nguy hiểm Đường biển Quốc tế IOELV – Giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp chỉ định kPa – kilopascal Kow – Hệ số Phân tách Octanol-Nước LC50 – Nồng độ gây chết người trên 50 % trường hợp tham gia thí nghiệm (nồng độ trung bình gây chết người) LD50 – Liều trung bình gây chết người trên 50 % trường hợp tham gia thí nghiệm (liều trung bình gây chết người) mg/l – Miligam trên lít mg/kg – Miligam trên kilôgam mg/m <sup>3</sup> – Miligam trên mét khối Min – phút NIOSH – Cơ quan Bảo vệ Sức khỏe và An toàn Lao động NOEC – Nồng độ không gây tác dụng được ghi nhận N.O.S. – Không được Trừ khi Có quy định Khác OEL – Giới hạn Phơi nhiễm Nghề nghiệp PBT - Dai dẳng, Tích Lũy sinh học và Độc ppm – Phần triệu PVC – Polyvinyl clorua RTDG - Khuyến nghị về Vận tải Hàng nguy hiểm SDS – Phiếu An toàn Hóa chất STEL – Giới hạn Phơi nhiễm Ngắn hạn TLV – Giá trị Giới hạn TWA – Trung bình Tính theo Thời gian UN – Liên Hiệp Quốc vPvB - Kéo dài và tích lũy sinh học rất nhiều
Các thông tin khác	: Không có.

Tuyên bố từ chối trách nhiệm: Chúng tôi tin rằng các thông tin công bố, thông tin kỹ thuật và khuyến nghị ở đây là đáng tin cậy, nhưng chúng được đưa ra mà không có bảo hành hoặc bảo đảm dưới bất kỳ hình thức nào. Thông tin trong tài liệu này áp dụng cho vật liệu cụ thể này như được cung cấp. Thông tin này có thể không hợp lệ đối với vật liệu này nếu nó được sử dụng kết hợp với bất kỳ vật liệu nào khác. Người dùng có trách nhiệm tự tìm hiểu về tính phù hợp và đầy đủ của thông tin này cho việc sử dụng cụ thể của người dùng.